

Bản án số: 06/2025/HS - ST
Ngày 10/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Tác

2. Ông Nông Quang Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST- HS ngày 12/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST- HS ngày 26/8/2025 đối với các bị cáo:

1. Bàn Văn C (tên gọi khác không); sinh ngày 10 tháng 5 năm 1979; nơi cư trú: Thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn B và con bà Triệu Thị H (đều đã chết); vợ: Hoàng Thị H; con: 02 con (Con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2006); tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: 01 (Ngày 03/10/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo bản án số 42/2011/HSST; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 21/01/2025 cho đến ngày 27/01/2025 bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lường Văn T (tên gọi khác không); sinh ngày 05 tháng 12 năm 1991; nơi cư trú: Thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Thôn N, xã N, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn cũ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn Trang và con bà Nông Thị Đ; vợ: Triệu Thị Y; con: 02 con (Con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023; tiền sự: 01 (Ngày 21/10/2024 bị UBND xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã N, tỉnh Thái Nguyên) ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” tại Quyết định 744/QĐ-XPTT); bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày

20/01/2025 cho đến ngày 26/01/2025 bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Triệu Thị Y; sinh năm 1994; trú tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút, ngày 20/01/2025, tại khu vực thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên), Công an xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là Công an xã Y, tỉnh Thái Nguyên) phối hợp với Công an xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là Công an xã N, tỉnh Thái Nguyên) bắt người phạm tội quả tang đối với Lương Văn T, trú tại: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên) về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ gồm 02 (hai) gói đều được gói bằng giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng, bên trong mỗi gói đều có chứa chất màu trắng dạng cục và bột nghi là chất ma túy, Heroine tại túi áo phao bên trái T đang mặc (đã niêm phong toàn bộ số chất bột trên vào trong phong bì ký hiệu H1). Ngoài ra còn tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu GooD, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, biển kiểm soát 97B1 – 489.76, xe cũ, đã qua sử dụng, cùng 01 (một) xilanh đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra Lương Văn T khai nhận: Khoảng 17 giờ, ngày 20/01/2025 Lương Văn T dùng điện thoại di động của T gọi cho Bàn Văn C, trú tại thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên) đề hỏi mua 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ma túy và được Bàn Văn C đồng ý bán. Sau đó T điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 97B1 – 498.76 đi đến nhà C. Khi đi gần đến nhà C thì T dừng lại, để xe mô tô cách nhà C khoảng 300 mét, rồi đi bộ đến nhà C. Khi T vào đến nhà thì thấy C đang ngồi ở bậc tam cấp trước cửa nhà. Do đã trao đổi mua, bán ma túy qua điện thoại từ trước, nên T đặt số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) gồm: 01 (một) tờ mệnh giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) và 01 (một) tờ tiền mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) xuống bậc tam cấp cạnh chỗ C đang ngồi thì C cũng lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc của mình ra 01 (một) gói ma túy, được gói bằng giấy vệ sinh màu trắng (bên trong chứa 02 gói ma túy) đưa cho T, T cầm lấy gói ma túy đi ra chỗ để xe mô tô lấy xe đi tìm chỗ để sử dụng. Khi T đang trên đường đi thì bị Công an xã N, tỉnh Thái Nguyên phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ toàn bộ số ma túy T vừa mua với C và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1-498.76 mà T đang sử dụng.

Ngày 20/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng số chất bột màu trắng (nghi là ma túy) thu giữ của Lương Văn T trong phong bì ký hiệu H1 được kết

quả: Cân 01(một) gói giấy màu trắng, bên trong có 02 (hai) gói giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng, bên trong 02 (hai) gói giấy đều chứa chất dạng cục và bột màu trắng có khối lượng 0,56g (Không phải năm sáu gam). Cân riêng số chất dạng cục và bột màu trắng có khối lượng là 0,15g (Không phải một năm gam) niêm phong vào phong bì ký hiệu H4 gửi trung cầu giám định chất ma túy. Toàn bộ giấy gói cũ và phong bì cũ ký hiệu H1 niêm phong vào phong bì mới ký hiệu H5 nhập kho vật chứng bảo quản theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 78/KL-KTHS ngày 24/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất dạng cục và bột màu trắng trong phong bì ký hiệu H4 gửi giám định là ma túy, loại Heroine có tên khoa học là Diacetylmorphine được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Khối lượng mẫu chất dạng cục và bột màu trắng trong phong bì ký hiệu H4 là 0,15g (không phải một năm gam).

Trên cơ sở lời khai của Lương Văn T và tài liệu chứng cứ thu thập được. Ngày 20/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, công trình liên quan của Bàn Văn C tại thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên). Kết quả khám xét đã thu giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO bên trong lắp sim có số thuê bao 0345.983.631. Ngoài ra Bàn Văn C tự nguyện giao nộp 01 (một) thẻ nhớ lưu trữ dữ liệu camera lắp đặt tại nhà của C.

Qua kiểm tra dữ liệu camera lắp đặt tại nhà của Bàn Văn C thể hiện rõ trong khoảng thời gian 17 giờ 30 phút đến 17 giờ 35 phút ngày 20/01/2025 Bàn Văn C đã bán ma túy, loại Heroine cho Lương Văn T tại hiên nhà của C.

Tại cơ quan điều tra Bàn Văn C khai nhận: Sáng ngày 20/01/2025, Bàn Văn C đến Trung tâm y tế xã C, tỉnh Thái Nguyên uống thuốc Methadone. Sau khi uống thuốc xong, C đi nhờ xe mô tô của một người không quen biết về nhà, khi đến khu vực chân dốc L thuộc xã C, tỉnh Thái Nguyên thì thấy một người đàn ông (C không biết lai lịch địa chỉ của người đó) đang sử dụng ma túy ở bụi tre bên cạnh đường nên C đã xuống xe hỏi người đàn ông có ma túy bán thì mua và được người đàn ông đồng ý bán, C đã mua 01 (một) gói ma túy với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy C tiếp tục đi nhờ xe của một người không quen biết về nhà và lấy ma túy mua được ra sử dụng một nửa bằng hình thức tiêm chích vào mạch máu. Phần ma túy còn lại C cất giấu tại túi áo khoác của C treo trong nhà. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/01/2025 C đang ở nhà thì Lương Văn T gọi điện thoại hỏi mua ma túy, với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), C trả lời là có ma túy và đồng ý bán cho T. Sau đó C lấy gói ma túy cất trong túi áo khoác treo ở trong nhà ra, chia thành 02 (hai) gói nhỏ đều được gói bằng giấy một mặt màu trắng, một mặt màu vàng (loại giấy lót bên

trong vỏ bao thuốc lá), dùng giấy vệ sinh màu trắng bọc 02 gói ma túy lại rồi cất giấu vào túi quần bên phải C đang mặc. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì thấy T đi bộ vào nhà, lúc này C đang ngồi ở bậc thềm trước hiên nhà, T đi đến rồi đặt số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) xuống thềm nhà, bên cạnh chỗ C ngồi để mua ma túy, C lấy 02 (hai) gói ma túy từ trong túi quần bên phải C đang mặc ra đưa cho T, sau khi mua được ma túy T đi ra khỏi nhà C.

Về vật chứng trong vụ án gồm:

01(một) phong bì niêm phong ký hiệu T55 chứa mẫu chất ma túy thu giữ của Lường Văn T sau giám định; 01 (một) phong bì ký hiệu H3 chứa chiếc xilanh đã qua sử dụng thu giữ của Lường Văn T; 01(một) phong bì ký hiệu H5 chứa vỏ phong bì, giấy gói cũ sau khi mở niêm phong; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, tạm giữ của Bàn Văn C; 01(một) điện thoại di động mặt trước có dòng chữ “GOOD” có bàn phím tạm giữ của Lường Văn T tất cả được tạm giữ tại kho vật chứng Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Thái Nguyên chờ xử lý.

01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T chứa chiếc thẻ nhớ Camera do Bàn Văn C giao nộp được lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION biển kiểm soát 97B1 – 489.76 thu giữ của Lường Văn T khi bắt quả tang, qua xác minh làm rõ chiếc xe thuộc quyền sở hữu riêng của chị Triệu Thị Y, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Triệu Thị Y mua xe năm 2015, đến năm 2017 mới kết hôn với Lường Văn T). Ngày 20/01/2025 T có mượn xe của chị Y, quá trình sử dụng xe T sử dụng xe để đi mua ma túy. Tuy nhiên, chị Y không biết và không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của T. Do đó cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Triệu Thị Y và đã tiến hành trả lại chiếc xe cho chị Triệu Thị Y.

Tại Cáo trạng số: 08/CT - VKS - KV7 ngày 11/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Bàn Văn C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và bị cáo Lường Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Lường Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn C từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Bàn Văn C và Lường Văn T.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu T55 chứa mẫu chất ma túy thu giữ của Lường Văn T sau giám định; 01 (một) phong bì ký hiệu H3 chứa chiếc xilanh đã qua sử dụng thu giữ của Lường Văn T; 01(một) phong bì ký hiệu H5 chứa vỏ phong bì, giấy gói cũ sau khi mở niêm phong.

- Tịch thu hóa giá để sung quỹ Nhà nước gồm: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng của Bàn Văn C; 01(một) điện thoại di động mặt trước có dòng chữ “GOOD” có bàn phím của Lường Văn T.

- Tịch thu 01 (một) chiếc thẻ nhớ Camera của Bàn Văn C giao nộp để lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Bàn Văn C, Lường Văn T khai nhận: Hồi 17 giờ 30 phút ngày 20/01/2025 tại hiên nhà của Bàn Văn C tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên bị cáo Bàn Văn C đã bán cho bị cáo Lường Văn T 02 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,15g (*Không thấy mười năm gam*), với số tiền 300.000 đồng, số tiền bán ma túy bị cáo C đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua được ma túy bị cáo T đi tìm chỗ để sử dụng thì bị lực lượng Công an xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Công an xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là công an xã N, tỉnh Thái Nguyên) phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên

người 02 gói ma túy có khối lượng 0,15g (*Không thấy mười năm gam*) vừa mua được với bị cáo C. Số ma túy bị cáo T tàng trữ để bản thân sử dụng.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ để khẳng định: Bị cáo Bàn Văn C có hành vi bán trái phép 02 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,15g (*Không thấy mười năm gam*) cho bị cáo Bàn Văn T để kiếm lời, hành vi của bị cáo C đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Bị cáo Lương Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Heroine, có khối lượng 0,15g (*Không thấy mười năm gam*) để bản thân sử dụng, hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số: 08/CT - VKS - KV7 ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo Bàn Văn C và Bàn Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Trước khi phạm tội này bị cáo Bàn Văn C đã từng bị kết án về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, bị cáo Lương Văn T đã từng bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” nên xác định các bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đảm bảo việc răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài hình phạt chính theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị xử phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định các bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp tạo ra thu nhập ổn định và không có tài sản có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 0,11g (*Không thấy mười một gam*) ma túy thu giữ của bị cáo Lương Văn T còn lại sau khi giám định chứa trong phong bì ký hiệu T55, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn hoàn trả là vật chứng Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 (*Một*) xi lanh đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lương Văn T có trong phong bì niêm phong ký hiệu H3, cùng toàn bộ phong bì, bao gói cũ có trong phong bì niêm phong ký hiệu H5 là các loại vật chứng không có giá trị sử dụng đều tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (*Một*) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim có số thuê bao 0345.983.631 thu giữ của bị cáo Bàn Văn C và 01 (*Một*) điện thoại di động mặt trước có dòng chữ “GOOD”, bàn phím nhựa màu trắng, mặt sau màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp sim có số thuê bao 0962166819 thu giữ của bị cáo Lương Văn T, qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo C và bị cáo T. Ngày 20/01/2025 các bị cáo đã sử dụng các điện thoại trên để liên lạc giao dịch mua bán trái phép chất ma túy, do đó xác định hai chiếc điện thoại của các bị cáo là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá để sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION biển kiểm soát 97B1 – 489.76 thu giữ của bị cáo Lương Văn T khi bắt quả tang, quá trình điều tra đã xác minh làm rõ chiếc xe thuộc quyền sở hữu riêng của chị Triệu Thị Y (chị Y là vợ của bị cáo Lương Văn T), sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 20/01/2025 chị Yên có cho Lương Văn T mượn, tuy nhiên chị Y không biết việc bị cáo T sử dụng xe để đi mua ma túy và không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo T. Do đó, cơ quan điều tra tiến hành trả lại chiếc xe trên cho chị Y và không xem xét xử lý đối với Y là đúng quy định pháp luật.

Đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo Bàn Văn C có được từ việc bán ma túy, sau đó chi tiêu cá nhân hết, xác định là tiền do tội mà có nên cần buộc bị cáo C nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[7] Đối với người đàn ông không rõ lai lịch theo lời khai của bị cáo Bàn Văn C là người đã bán ma túy cho bị cáo C. Tuy nhiên, kết thúc điều tra bị cáo không cung cấp được danh tính, địa chỉ cụ thể nên không đủ căn cứ để điều tra, xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo Bàn Văn C, Lương Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo Lương Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

[1] Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn C 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/01/2025 đến ngày 27/01/2025, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/01/2025 đến ngày 26/01/2025, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các loại vật chứng gồm: 01 (một) phong bì niêm phong T55 chứa chất ma túy thu giữ của Lường Văn T do Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Bắc Kạn hoàn trả sau giám định. Mặt trước phong bì có ký hiệu T55 và dòng chữ viết tay: "Mẫu hoàn trả vụ: Lường Văn T (1991), tàng trữ trái phép chất ma túy". Mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu hình tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Bắc Kạn. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu H3 chứa chiếc xilanh đã qua sử dụng thu giữ của Lường Văn T. Mặt trước phong bì có ký hiệu H3. Mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được, có 01 (một) chữ "T", 01 (một) dòng chữ "Lường Văn T", 01 (một) dòng chữ "Nguyễn Thanh H" và 03 (ba) dấu hình tròn màu đỏ của UBND xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu H5 chứa giấy gói và vỏ phong bì H1 sau khi mở niêm phong. Mặt trước phong bì có ký hiệu H5. Mặt sau phong bì có 05 (năm) chữ ký không đọc được, có 01 (một) chữ "T", 01 (một) dòng chữ "Lường Văn T", 01 (một) dòng chữ "Nguyễn Viết H", 01 (một) dòng chữ "Hoàng Văn T", 01 (một) dòng chữ "Hà Văn D", 01 (một) dòng chữ "Hứa Ngọc H" và 02 (hai) dấu hình tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn.

Tịch thu hóa giá để sung quỹ Nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại di động thu giữ của Bàn Văn C, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO mặt sau màu xanh đã qua sử dụng, có số IMEI1: 869802065654930; số IMEI2: 869802065654922, bên trong điện thoại có lắp 01 sim số thuê bao 0345938613 và 01 (một) điện thoại di động thu giữ của Lường Văn T, mặt trước có chữ "GOOD", bàn phím nhựa màu trắng, mặt sau màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI1: 355230717178853; số IMEI2: 355230717178861. Bên trong điện thoại có lắp 01 (một) sim số thuê bao 0962166819.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7- Thái Nguyên).

Tịch thu 01 (Một) chiếc thẻ nhớ Camera do Bàn Văn C giao nộp chứa trong phong bì niêm phong ký hiệu T. Mặt trước phong bì ký hiệu T, mặt sau phong bì có 03 (ba) chữ ký không đọc được, có 01 (một) chữ “C”, 01 (một) dòng chữ “Bàn Văn C” và 02 (hai) dấu hình tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn, tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn để tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên và Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên).

Truy thu đối với bị cáo Bàn Văn C số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bàn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lường Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

[4] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7 – Thái Nguyên;
- Công tỉnh Thái Nguyên;
- THADS Thái Nguyên;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn

